

Số/No: 24.1.M.14683-8

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

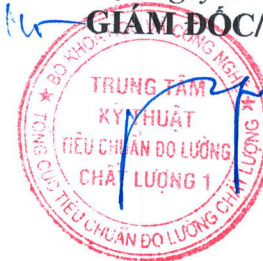
- Tên mẫu thử/ *Sample*: SỐ SB – 612  
LÔ 270702
- Khách hàng/ *Customer*: CÔNG TY TNHH HIWIN HONGKONG
- Số lượng mẫu/ *Quantity*: 01
- Tình trạng mẫu/ *Observation*: Xem ảnh kèm theo
- Ngày nhận mẫu/ *Reception date*: 19 / 08 / 2024
- Ngày thử nghiệm/ *Time duration*: 19 / 08 / 2024
- Phương pháp thử/ *Test method*: ASTM E1086 - 22
- Ngày hoàn thành/ *Completion*: 19 / 08 / 2024
- Kết quả thử nghiệm/ *Result of testing*: Xem trang sau / *See next page*

**P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD**  
*Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.*

  
**Nguyễn Văn Minh**

Hà nội, ngày 21 / 08 / 2024

**GIÁM ĐỐC/ Director**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Ngọc Châm*

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
*This test results is value only for samples taken by customer.*
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
*This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
*Name of sample and customer are written as customer's request.*

Số/No: 24/M/1683-8

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test methods	M. QUY ĐỊNH Requirement	KẾT QUẢ Results
1	<b>Thành phần hóa học</b> %	<b>ASTM E1086 - 22</b>	<b>JIS G4305 ( SUS 304)</b>	
	• Carbon	C	≤ 0,080	0,0523
	• Silicon	Si	≤ 1,000	0,3188
	• Sulfur	S	≤ 0,030	0,0013
	• Phosphorus	P	≤ 0,045	0,0437
	• Manganese	Mn	≤ 2,000	1,2774
	• Nickel	Ni	8,000 ÷ 10,500	8,1970
	• Chromium	Cr	18,000 ÷ 20,000	18,3804
	• Molybdenum	Mo		0,0922
	• Vanadium	V		0,0785
	• Copper	Cu		0,2884
	• Tungsten	W		0,0035
	• Titanium	Ti		0,0044

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



← Vị trí thử

